

Bản án số: **43/2017/DS-ST**
Ngày: 06/7/2017.
*V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy O.
2. Bà Nguyễn Thị N.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn K – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06 tháng 7 năm 2017 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2017/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Ái V**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: 246 Nguyễn Văn L, Phường 11, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà **Lê Thị Ng**, sinh năm: 1983; Địa chỉ: 246 Nguyễn Văn L, Phường 11, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền lập ngày 20/12/2016) (có mặt).

Bị đơn: - Ông **Phan Văn N**, sinh năm: 1955 (có mặt)

- Bà **Huỳnh Thị Ng**, sinh năm: 1956 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 63A/3 ấp 1, xã APT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/02/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Ái V- có đại diện theo ủy quyền bà Lê Thị Ng trình bày:

Ngày 02/6/2009 bà Lê Thị Ái V có làm giấy cho vợ chồng ông Phan Văn N và bà Huỳnh Thị Ng vay số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng với thỏa thuận ông N và bà Ng sẽ trả lại số tiền vay trên khi bà V báo trước 02 (hai) tháng. Đầu tháng 01 năm 2011 bà V đã báo trước để ông N và bà Ng trả tiền vay nhưng đến nay ông N và bà Ng vẫn chưa trả nợ vay.

Tại đơn khởi kiện ngày 16/02/2017 bà Lê Thị Ái V yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Văn N và bà Huỳnh Thị Ng trả số tiền vay là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi (từ ngày 02/6/2010 đến tháng 02/2017) là 234.000.000 đồng (hai trăm ba mươi bốn triệu đồng). Tổng cộng 384.000.000 (ba trăm tám mươi bốn triệu) đồng. Bà V yêu cầu ông N và bà Ng trả một lần Ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Nay bà Lê Thị Ng là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định lại chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Văn N và bà Huỳnh Thị Ng trả cho bà Lê Thị Ái V số tiền vay (nợ

gốc) là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Không yêu cầu tính lãi suất. Yêu cầu ông N và bà Ng trả một lần Ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Bà không đồng ý phương thức trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ của ông N, bà Ng.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Phan Văn N (bị đơn) trình bày:

Ông Phan Văn N xác nhận ngày 02/6/2009 ông và vợ ông là bà Huỳnh Thị Ng có ký giấy vay tiền của bà Lê Thị Ái V số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Đầu năm 2011 bà V có yêu cầu trả nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng ông chưa hoàn trả nợ vay cho bà V.

Nay ông đồng ý trả cho bà Lê Thị Ái V số tiền 150.000.000 đồng. Nhưng do tuổi già sức yếu, không có thu nhập nên ông đề nghị trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai ngày 17/3/2017 bà Huỳnh Thị Ng (bị đơn) trình bày:

Bà Huỳnh Thị Ng xác nhận ngày 02/6/2009 bà và chồng bà là ông Phan Văn N có ký giấy vay tiền của bà Lê Thị Ái V số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Đầu năm 2011 bà V có yêu cầu trả nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng bà chưa hoàn trả nợ vay cho bà V.

Nay bà đồng ý trả cho bà Lê Thị Ái V số tiền 150.000.000 đồng. Nhưng do tuổi già sức yếu, không có thu nhập nên bà đề nghị trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ngoài ra bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 26/3/2017 ông Bạch Ngọc H trình bày:

Ông và bà Lê Thị Ái V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, tuy nhiên số tiền 150.000.000 đồng mà bà V cho ông N và bà Ng vay là tài sản riêng của bà V, ông hoàn toàn không liên quan, không tranh chấp, bà V toàn quyền quyết định và ông có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị Ái V khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn N và bà Huỳnh Thị Ng trả cho bà V số tiền mà ông N và bà Ng đã vay. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Phan Văn N và bà Huỳnh Thị Ng cư trú tại huyện BC, Thành Phố Hồ Chí Minh, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Bạch Ngọc H xác nhận số tiền 150.000.000 đồng mà bà Lê Thị Ái V cho ông Phan Văn N và bà Huỳnh Thị Ng vay là tài sản riêng của bà V, không phải là tài sản chung của vợ chồng nên ông không có tranh chấp, không liên quan và xin vắng mặt. Do đó, không cần thiết phải đưa ông Bạch Ngọc H là chồng của bà Lê Thị Ái V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về sự vắng mặt của bà Huỳnh Thị Ng: Do bà Ng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ giấy “Giấy biên nhận tiền ngày 02/6/2009” và các bản tự khai của ông N, bà Ng và biên bản hòa giải các bên đều xác nhận đây là hợp đồng vay tài sản, do đó có cơ sở xác định vào ngày 02/6/2009 bà Lê Thị Ái V có cho ông Phan Văn N và bà Huỳnh Thị Ng vay số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, là hợp đồng vay tài sản không thời hạn.

Tại đơn khởi kiện ngày 16/02/2017 bà Lê Thị Ái V yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Văn N và bà Huỳnh Thị Ng trả số tiền vay là 150.000.000 đồng và tiền lãi (từ ngày 02/6/2010 đến tháng 02/2017) là 234.000.000 đồng. Tổng cộng 384.000.000 (ba trăm tám mươi bốn triệu) đồng. Tuy nhiên sau đó bà Lê Thị Ng là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định lại chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Văn N và bà Huỳnh Thị Ng trả cho bà Lê Thị Ái V số tiền vay là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Không yêu cầu tính lãi suất.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Phan Văn N và bà Huỳnh Thị Ng đều xác nhận còn nợ bà Lê Thị Ái V số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Bà V yêu cầu ông N và bà Ng trả số nợ trên một lần Ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi, còn ông N, bà Ng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự không yêu cầu gì về số tiền lãi suất đã đóng, không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc ông N, bà Ng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu) đồng cho đến khi hết nợ do hoàn cảnh khó khăn, Hội đồng xét xử xét thấy ông N, bà Ng nợ bà V số tiền trên đã lâu, việc xin trả dần làm kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt hại cho phía bà V.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ái V, buộc ông Phan Văn N và bà Huỳnh Thị Ng trả cho bà V số nợ 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu) đồng, trả một lần Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông Phan Văn N, bà Huỳnh Thị Ng chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo án tuyên thì ông N, bà Ng còn pH trả lãi tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

“Giấy biên nhận tiền ngày 02/6/2009” lập giữa ông Phan Văn N, bà Huỳnh Thị Ng và bà Lê Thị Ái V không còn giá trị pháp lý do nghĩa vụ trả nợ của ông N, bà Ng đã được thực hiện bằng bản án, quyết định của Tòa án khi có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của bà Lê Thị Ái V được chấp nhận toàn bộ nên bà V không pH chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp. Ông Phan Văn N và bà Huỳnh Thị Ng pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Cụ thể: 150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

Căn cứ các Điều 280, 463, 466, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ái V đối với ông Phan Văn N, bà Huỳnh Thị Ng.

Buộc với ông Phan Văn N, bà Huỳnh Thị Ng có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Ái V số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, theo phương thức trả một lần Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Giấy biên nhận tiền ngày 02/6/2009 không còn giá trị pháp lý.

Các bên thực hiện việc giao và nhận tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông Phan Văn N, bà Huỳnh Thị Ng chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo án tuyên thì ông N, bà Ng còn pH trả lãi tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ái V được nhận lại số tiền 9.600.000(chín triệu sáu trăm nghìn) đồng mà bà (Lê Thị Ng) đã nộp thay theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0021855 ngày 06/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC, thành Phố Hồ Chí Minh.

Ông Phan Văn N và bà Huỳnh Thị Ng pH chịu 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- CCTHADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Chiến